

TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/DS -ST

Ngày: 24/9/2020

V/v kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng
2. Ông Đỗ Ngọc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST - DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc “*Kiện đòi tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐST - DS ngày 09/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1940 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T V, xã ĐH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1992 (Có mặt)

Ủy quyền cho bà Hoàng Thị B, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T V, xã ĐH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đỗ Lệ M, sinh năm 1990

2. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1994

Chị M, chị T ủy quyền cho bà Hoàng Thị B, sinh năm 1971 (Có mặt)

3. Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1971 (Có mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Thôn T V, xã ĐH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Anh Đ là con trai ông đã chết ngày 01/1/2019, khi anh Đ còn sống do sức khỏe yếu nên ở với ông 04 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Năm 2014 vợ anh Đ là Hoàng Thị B ly hôn với anh Đ nên anh Đ ở với ông từ đó đến khi chết. Trong quá trình anh Đ ở với ông, ông đã chăm sóc anh Đ đến nay ông yêu cầu chị Đỗ Thị D là con gái anh Đ phải trả cho ông số tiền 64.000.000đ tiền công chăm sóc trong 4 năm từ năm 2014 đến năm 2018.

Thứ hai là tiền gạo và tiền hàng phùng: Khi trong thôn có người chết thì phải đóng số tiền này, ông đã đóng thay anh Đ số tiền phùng 08 đám tang mỗi đám tang 50.000đ và 01kg gạo tổng số tiền là $8 \times 50.000đ = 400.000đ + 08kg \text{ gạo} \times 15.000đ = 120.000đ$ tổng là 520.000đ.

Thứ ba: Khi anh Đ ốm năm 2018 đi viện ông có đưa cho chị D số tiền 1.000.000đ để chữa bệnh cho anh Đ, đến nay chị D chưa trả số tiền này do vậy ông đề nghị chị D trả lại.

Thứ tư: Ông và anh Đ có thửa ruộng ở cửa đình do không canh tác được nên có cho chị Trang thuê lại trong vòng 05 năm được số thóc là 200kg. Sau khi anh Đ chết thì chị D đã lấy thóc đầu thầu ruộng tại nhà chị Nguyễn Thị Trang ở cùng thôn 200kg, giá trị 1.400.000đ.

Tổng số tiền ông yêu cầu chị D trả là: 66.920.000đ.

Lời khai của bị đơn chị Đỗ Thị D thể hiện: Chị là con gái ông Đỗ Xuân Đức và bà Hoàng Thị B, mẹ chị và ông Đ ly hôn năm 2012, sau khi ly hôn vẫn trên đất cùng với mẹ chị chỉ khác nhà, ông Đ không ở với ông H ngày nào cho đến khi ông Đ chết. Năm 2019 ông Đ vào nhà ông H chơi, ngã ở bếp dẫn đến tử vong.

Trong suốt quá trình sau khi ly hôn đến khi chết chị là con gái chăm sóc ông Đ, đi viện, ăn uống sinh hoạt trong gia đình chị là người đứng lên lo lắng, khi ông Đ chết tôi đứng lên lo ma. Ông H không nuôi ông Đ ngày nào do vậy không chấp nhận yêu cầu ông H.

Thứ hai là tiền hàng phùng: Trong thôn Trại Vành có quy định khi có người chết thì đóng góp 50.000đ và 01 kg gạo cho thôn để lo đám ma người chết, chị không biết việc này không đồng ý, đây là ông H tự nguyện đóng góp theo thông lệ của thôn.

Tiền thóc đầu thầu: Đây là diện tích ruộng định xuất của chị Đỗ Lệ M là con gái ông Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đ, đây là định xuất ruộng của Chị M do đó có chị Trang đầu thầu nên chị Trang đã trả cho tôi số thóc là 180kg, chị Trang trả sau khi ông Đ chết.

Đối với số tiền 1.000.000đ, chị không được nhận số tiền này từ ông H, do vậy chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện:

Bà Hoàng Thị B trình bày: Bà và ông Đỗ Văn Đ kết hôn năm 1990 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Hưu quá trình chung sống có ba con là Đỗ Lệ M, Đỗ Thị D, Đỗ Thị T chung sống đến năm 2012 thì bà và ông Đ ly hôn nhưng vẫn sống

cùng nhà với mẹ con bà. Năm 2015 ông Đ ra ở riêng nhưng vẫn ở gần nhà mẹ con bà, năm 2016, 2017 ông Đ ốm đau thì các con bà vẫn chăm sóc, khi ra viện ông Đ ra ở riêng thì các con bà vẫn chu cấp cho ông Đ còn ông H không chăm sóc cho ông Đ. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chị D trả số tiền nuôi dưỡng, tiền phường, tiền đi viện tổng là 66.920.000đ là không đúng sự thật.

Chị Đỗ Lệ M trình bày: Chị là con gái ông Đỗ Văn Đ và bà Hoàng Thị B, bố mẹ chị sinh được ba người con, ông Đ chết ngày 01/1/2019 khi chết không để lại di chúc gì. Năm 2012 ông Đ và bà Bằng ly hôn nhưng ông Đ vẫn ở cùng với mẹ con chị đến năm 2015 thì ở riêng, năm 2016, 2017 ông Đ bị bệnh chị em chị vẫn đưa ông Đ đi khám chữa bệnh và thay nhau chăm sóc sau khi về nhà chị em chị vẫn chu cấp cho ông Đ nay ông Nay ông H khởi kiện yêu cầu chị D trả số tiền nuôi dưỡng, tiền phường, tiền đi viện tổng là 66.920.000đ là không đúng sự thật.

Chị Đỗ Thị T trình bày: Chị là con gái ông Đỗ Văn Đ và bà Hoàng Thị B, bố mẹ chị sinh được ba người con, ông Đ chết ngày 01/1/2019. Năm 2012 ông Đ và bà Bằng ly hôn nhưng ông Đ vẫn ở cùng với mẹ con chị đến năm 2015 thì ở riêng, chị em chị vẫn thay nhau chăm sóc sau khi ông Đ nay ông Nay ông H khởi kiện yêu cầu chị D trả số tiền nuôi dưỡng, tiền phường, tiền đi viện tổng là 66.920.000đ là không đúng sự thật.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa chấp hành đúng quy định Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

- Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tại phiên tòa chấp hành đúng quy định Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng Điều 164, Điều 166, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Bác yêu cầu của Ông Đỗ Xuân H yêu cầu chị Đỗ Thị D trả số tiền 66.920.000đ.

Về án phí: Miễn án phí cho Ông Đỗ Xuân H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền bỏ ra chăm sóc anh Đ là 64.000.000đ; Tiền phường 520.000đ; tiền thóc 1.400.000đ; số tiền đi viện 1.000.000đ tổng số tiền là 66.920.000đ. Bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Tòa án thấy rằng: Ông Đỗ Văn Đ kết hôn cùng bà Hoàng Thị B năm 1990 có ba người con chung là Đỗ Thị D, Đỗ Lệ M, Đỗ Thị T, quá trình chung sống đến năm 2012 thì ông Đ bà Bằng ly hôn, ngày 01/01/2019 ông Đ chết.

Thứ nhất yêu cầu của ông H yêu cầu chị D phải trả cho ông tiền chăm sóc anh Đ trong 4 năm từ 2014 đến 2018 với số tiền 64.000.000đ

Tòa án thấy rằng anh Đ là người trưởng thành có khả năng lao động do vậy không cần người chăm sóc nuôi dưỡng mặt khác Tòa án xác minh tại địa phương cung cấp anh Đỗ Văn Đ từ năm 2014 đến năm 2018 anh Đ ở một mình không ai chăm sóc đến khi chết vẫn ở một mình, tuy có ốm đau nhưng vẫn có khả năng lao động nuôi sống bản thân do đó yêu cầu này của ông H là không có căn cứ để chấp nhận.

Thứ hai yêu cầu về Tiền phường 520.000đ: Theo phong tục địa phương thì khi có người trong thôn chết thì mỗi gia đình phải đóng 50.000đ và 01 kg gạo mục đích để sinh hoạt và ăn uống, nếu còn thừa thì giao lại cho gia đình, nếu đã nộp thì không trả lại. Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông H đóng số tiền này là tự nguyện và xuất phát từ phong tục tập quán địa phương do vậy không có căn cứ để buộc chị D trả số tiền này.

Thứ ba là tiền thóc $200\text{kg} \times 7000\text{đ/kg} = 1.400.000\text{đ}$. Ông Đỗ Văn Đ có thửa ruộng diện tích 792m^2 tại số thửa 207 (2) tờ bản đồ 18 bản Trại Vành, xã Đồng Hưu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 mang tên hộ ông Đỗ Văn Đ trong quá trình sử dụng năm 2017 - 2018 ông Đ cho chị Trang thuê khoán với giá là 50kg thóc một vụ một năm trả 100kg, chị Trang đã trả năm đầu cho ông Đ. Năm 2019 do ông Đ chết thì chị D lấy về sử dụng. Tòa án thấy rằng đây là ruộng của ông Đ không phải là ruộng của ông H, chị Trang trực tiếp hợp đồng và trả sản với ông Đ.

Tại phiên tòa ông H cho rằng đây là tài sản của ông và anh Đ nên đòi chị D trả lại số thóc chứ không yêu cầu chia di sản của anh Đ để lại là số thóc chị Trang trả do thuê khoán do vậy yêu cầu của ông H về việc buộc chị D trả số thóc này không có căn cứ để chấp nhận. Trường hợp ông H yêu cầu chia thừa kế số thóc này được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Thứ tư là số tiền 1.000.000đ ông H đưa cho chị D để chữa bệnh cho ông Đ. Phía bị đơn không thừa nhận đã nhận số tiền này, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình do vậy phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh được nên hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông H.

Về án phí: Yêu cầu của ông H là không có căn phải chịu án phí tuy nhiên ông H là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 miễn án phí cho ông H.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 164, Điều 166, Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Bác yêu cầu của Ông Đỗ Xuân H yêu cầu chị Đỗ Thị D trả số tiền chăm sóc ông Đỗ Văn Đ là 64.000.000đ; tiền hàng phường là 520.000đ; tiền thuê ruộng là 1.400.000đ; tiền đưa cho chị D là 1.000.000đ tổng số tiền là 66.920.000đ.

Về án phí: Miễn án phí cho Ông Đỗ Xuân H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện